

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3986 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Nhà máy sản xuất, chế biến gỗ ghép thanh và các sản phẩm tận thu về gỗ tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Lâm Thanh Hưng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy sản xuất, chế biến gỗ ghép thanh và các sản phẩm tận thu về gỗ tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Lâm Thanh Hưng;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Nhà máy sản xuất, chế biến gỗ ghép thanh và các sản phẩm tận thu về gỗ của Công ty TNHH Lâm Thanh Hưng tại Thông báo kết quả thẩm định số 2508/STNMT-BVMT ngày 21/4/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 25/CV-MT ngày 21/09/2021 của Công ty TNHH Lâm Thanh Hưng;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 949/Tr-STNMT ngày 07/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Nhà máy sản xuất, chế biến gỗ ghép thanh và các sản phẩm tận thu về gỗ của Công ty TNHH Lâm Thanh Hưng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tượng Sơn,

huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Nông Cống, Giám đốc Công ty TNHH Lâm Thanh Hưng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pq NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Nhà máy sản xuất, chế biến gỗ ghép thanh và các sản phẩm tận thu về gỗ
tại xã Trượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa của
Công ty TNHH Lâm Thanh Hưng

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin chung dự án:

Nhà máy sản xuất, chế biến gỗ ghép thanh và các sản phẩm tận thu về gỗ tại xã Trượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Lâm Thanh Hưng

+ Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Thanh

+ Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Minh Lai, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

+ Điện thoại: 0934.474.996

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Nhà máy sản xuất, chế biến gỗ ghép thanh và các sản phẩm tận thu được thực hiện trên tổng diện tích đất 29.634,82 m² tại xã Trượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

+ Các hạng mục công trình của Nhà máy: Xưởng sản xuất ván ghép thanh, ván sàn (chính), diện tích xây dựng 8.250m²; Xưởng sản xuất ván ghép thanh, ván sàn (phụ), diện tích xây dựng 2.240 m²; Xưởng chế biến sản phẩm tận thu, diện tích xây dựng 1.980m²; Nhà chứa lò sấy, diện tích xây dựng 3.120 m²; Nhà văn phòng, diện tích xây dựng 408m²; Nhà ăn + nghỉ ca công nhân, diện tích xây dựng 510m²; Nhà để xe, diện tích xây dựng 512m² và các hạng mục công trình phụ trợ khác...

+ Công suất thiết kế 42.000 m³ gỗ ghép thanh, ván sàn (sàn gỗ)/năm, 10.260 tấn gỗ phế liệu, sản phẩm tận thu/năm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 4,6m³/ngày, trong đó: Nước thải vệ sinh khoảng 2,3m³/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 2,3m³/ngày. Thành phần nước thải chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform, chất hoạt động bề mặt...

- Nước thải xây dựng chủ yếu phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa xe phát sinh khoảng 11,2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng (TSS), dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu..Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,....

2.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 55 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng: gồm đất nạo vét hữu cơ tại dự án có tổng khối lượng là 8.890,2 m³; chất thải rắn từ quá trình xây dựng như cát, đá...khoảng 69,38 tấn, sắt thép thừa, bao bì xi măng.... khoảng 4,92 tấn, thảm phủ thực vật khoảng 5,38 tấn.

2.1.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

2.1.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu từ quá trình vệ sinh, sửa chữa máy móc; thành phần gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,.... khối lượng khoảng 4,0 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu nhớt thải khoảng 78lít trong quá trình thi công.

2.1.5. Một số tác động môi trường khác:

- Tác động do tiếng ồn, độ rung.

- Tác động đến tiêu thoát nước mặt; tác động do dịch bệnh,...

2.2. Giai đoạn vận hành

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 583,2 m³/ngày (gồm nước mưa chảy tràn qua khu vực công trình, sân đường giao thông nội bộ; khu vực cây xanh). Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

Trong quá trình sản xuất toàn bộ gỗ nguyên liệu khi mua về và dăm gỗ thành phẩm đều được lưu chứa tại khu vực nhà xưởng sản xuất ván ghép thanh, ván sàn có mái che. Trong trường hợp ván ghép thanh thành phẩm, dăm gỗ chưa xuất bán kịp thời dẫn đến khu vực nhà xưởng không còn diện tích để lưu chứa gỗ nguyên liệu và dăm gỗ tạm thời tập kết ngoài trời tại sân phía trước nhà xưởng sản xuất ván ghép thanh, ván sàn, sân có diện tích 1.688m², lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực sân chứa có lưu lượng khoảng 28,8 m³/ngày (trong ngày có mưa lớn nhất) thành phần nước thải này chứa bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng, vụn gỗ, lignin, ...

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân làm việc trong nhà máy với lưu lượng 8,6 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- Nước thải sản xuất: Phát sinh chủ yếu từ quá trình xử lý khí thải từ lò hơi nước với lưu lượng 3,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng.

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy chủ yếu từ hoạt động sản xuất như: Cắt cạnh, chà, đánh bóng, bầm dăm, sàng, tải gỗ, bôi keo, ghép thanh, đốt lò hơi, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm, hoạt động nấu ăn, hoạt động của máy phát điện dự phòng,... Thành phần các chất ô nhiễm gồm: CO; NO_x; SO₂; bụi; bụi gỗ; hơi dung môi hữu cơ ...

2.2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại Nhà máy với khối lượng khoảng 105,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất hữu cơ, giấy, bìa cát tông, giẻ vụn, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn sản xuất: Phát sinh chủ yếu từ công đoạn bóc gỗ, cắt cạnh, chà gỗ,...khối lượng khoảng 161,54 tấn/ngày; Tro, xỉ phát sinh từ lò hơi với khối lượng 40kg/ngày; dây buộc, bìa lót, túi nilon sử dụng bao gói sản phẩm phát sinh khoảng 1kg/ngày.

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động của Nhà máy có khối lượng khoảng 7,2 kg/tháng; chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 738 lít/năm. Thành phần chủ yếu là pin, bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu thải,...

- Trong quá trình sản xuất phát sinh chất thải rắn nguy hại gồm: Than hoạt tính thải ra từ quá trình xử lý hơi dung môi hữu cơ khoảng 320 kg/năm và vỏ thùng đựng keo, hóa chất... có khối lượng 420 kg/năm (khối lượng mỗi vỏ thùng là 1kg).

2.2.5. Một số tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố cháy nổ; sự cố lò hơi,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải

*** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn**

- Tạo mương thoát nước tạm có kích thước 0,3 x 0,4m. có tổng chiều dài 500m, khoảng 50 m bố trí một hố thu có thể tích 0,7m x 0,7m x 0,5m (có 10 hố thu) để lắng chất rắn lơ lửng trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung.

- Không tập trung các loại vật liệu gần các mương thoát nước. Trong quá trình thi công thường xuyên kiểm tra, nạo vét các mương thoát nước tạm đảm bảo quá trình thoát nước tốt không gây ngập úng.

- Che chắn không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần các nguồn nước, đồng thu gom dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu vào thùng chứa theo đúng quy định không để vương vãi trên công trường.

*** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt**

- Nước thải nhà vệ sinh chủ đầu tư thuê nhà vệ sinh di động có dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 1.200 lít để thu gom và thuê đơn vị chức năng xử lý.

- Nước thải từ quá trình rửa tay chân có khối lượng là $2,3\text{m}^3/\text{ngày}$ sẽ được thu gom về bể lắng 18m^3 để xử lý (kích thước $4,0\text{ m} \times 3\text{ m} \times 1,5\text{ m}$) trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải rửa xe**

- Nước thải từ quá trình rửa xe được thu gom về bể lắng 18m^3 để xử lý (kích thước $4,0\text{ m} \times 3\text{ m} \times 1,5\text{ m}$) trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công xây dựng.

- Dùng xe xitec dung tích $5,0\text{ m}^3$ để phun nước giảm thiểu bụi khu vực thực hiện dự án tần suất 02 lần/ngày; đặc biệt tại các khu giáp với tuyến đường tỉnh lộ 512B và bãi chứa nguyên vật liệu với tần suất phun nước 04 lần/ngày, những ngày thời tiết nắng, nóng khô hanh, tăng thêm tần suất phun nước.

- Các xe chuyên chở đúng trọng tải và có che phủ bạt để tránh rơi vãi vật liệu trong quá trình di chuyển, bố trí nhân công quét dọn các vật liệu rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển.

- Bảo dưỡng định kỳ phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

*** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt**

- Trang bị 02 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 60 lít tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt. Sau đó hợp đồng với đơn vị thu gom rác huyện Nông Công thu gom và đưa đi xử lý theo quy định. Tần suất thu gom 01 ngày/lần.

*** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng**

- Thực vật phát quang được thu gom và hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Cát, đá rơi vãi được tận dụng làm vật liệu san nền tại dự án.

- Chất thải rắn như bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đất đào bóc phong hóa có khối lượng $8.890,2\text{ m}^3$ được vận chuyển đổ thải tại khu vực đồng đá phía Nam xã Tượng Sơn, có diện tích 3.500 m^2 , sâu trung bình 1m (có biên bản thống nhất vị trí đổ thải kèm theo phụ lục báo cáo).

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải rắn và chất thải lỏng nguy hại được thu gom vào các thùng chứa dung tích 50 lít/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lượng chất thải rắn nguy hại này được lưu trữ tạm tại khu vực riêng rộng 10m^2 , theo mặt bằng khu lán trại (Khu vực này có mái che bằng tôn, tránh tác động từ điều kiện tự nhiên mưa, nắng..). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu một số tác động khác:

*** Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công;
- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất;
- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5 km/h;
- Không tiến hành thi công vào khoảng thời gian từ 11 ÷ 13 giờ trưa và 22 ÷ 6 giờ sáng hôm sau;
- Công nhân thi công được trang bị trang thiết bị chống ồn.

*** Các biện pháp giảm thiểu tác động đến tiêu thoát nước mặt khu vực**

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông các mương tiêu thoát nước chảy qua khu vực dự án. Đối với những đoạn mương thoát nước qua khu vực dự án bị san lấp, chủ đầu tư sẽ tạo tuyến mương phụ để đảm bảo tiêu thoát nước khu vực.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

*** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn**

Nước mưa chảy tràn trên mái công trình, sân đường giao thông nội bộ và trong khuôn viên Nhà máy được thu gom bằng đường ống riêng sau đó dẫn vào hệ thống mương thu gom nước mặt xung quanh các nhà, xưởng với tổng chiều dài khoảng $L = 875$ m, kích thước: rộng 0,4m x sâu 0,6m, có nắp đậy bằng tấm đan bê tông; trên hệ thống mương thoát nước mưa có bố trí hố ga lắng cặn trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Đối với nước mưa qua khu vực sân lưu chứa nguyên liệu có diện tích 1.688m^2 có tổng lưu lượng phát sinh khoảng $28,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (trong ngày có mưa lớn nhất) sẽ được thu gom bằng hệ thống mương thu gom có chiều dài khoảng $L = 205$ m, kích thước: rộng 0,4m x sâu 0,6m về bể lắng thể tích $32,0\text{m}^3$ ($L \times B \times H = 4,0\text{m} \times 4,0\text{m} \times 2,0\text{m}$) để loại bỏ cặn và vụn gỗ sau đó dẫn vào bể phản ứng thể tích 32m^3 ($B \times L \times H = 4,0\text{m} \times 4,0\text{m} \times 2,0\text{m}$) trong bể phản ứng sử dụng axit oxalic ($\text{H}_2\text{C}_2\text{O}_4$) để kết tủa lignin, nước sau bể phản ứng được thoát ra mương tiêu của khu vực.

*** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

- **Nước thải sản xuất:** Nước thải từ quá trình xử lý bụi và khí thải lò hơi được thu gom và dẫn về 01 bể lắng có thể tích $4,0\text{m}^3$ để lắng cặn (thời gian lưu nước 01 ngày) sau khi được dẫn về hệ thống xử lý (modul Bastafat) công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

- **Nước thải sinh hoạt:** Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom và dẫn về 01 bể tự hoại 03 ngăn với tổng dung tích 40m^3 để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống xử lý (modul Bastafat) công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ nằm ở phía Tây Bắc dự án; Nước thải nhà ăn được thu gom và dẫn về bể tách dầu mỡ có thể tích $6,0\text{m}^3$ để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống modul Bastafat công suất 20

m³/ngày.đêm nằm ở phía Tây Bắc dự án để xử lý. Sơ đồ xử lý của modul Bastafat như sau:

Nước thải → Ngăn lắng/điều hòa → Ngăn kỵ khí → Bể lọc hiếu khí → lắng, khử trùng → Môi trường.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống mương tưới tiêu và thoát nước khu vực.

3.2.2. Về bụi, khí thải

- Tại các công đoạn gia công như: Xẻ, băm dăm, máy mài, chà gỗ, cắt cạnh được Công ty trang bị đầu hút đặt dọc lưới cửa và thiết bị chà gỗ của các máy trong dây chuyền sản xuất. Bụi gỗ từ các chụp hút được các quạt hút có công suất 1,5kw hút qua đường ống nhựa mềm đường kính 90mm về 02 hệ thống lọc bụi túi vải, trước khi thải ra môi trường qua ống thoát khí.

- Tại các nhà xưởng sản xuất: Lắp đặt 18 quạt hút công nghiệp công suất 0,25KW, lưu lượng gió 15.000 m³/h giúp lưu thông gió, điều hòa không khí trong nhà xưởng.

- Khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom về cụm 04 Xyclon đường kính D800, chiều cao 2,5m để tách bụi và sau đó dẫn về bể nước rửa khí có bổ sung nước vôi trong (dung tích 3m³) trước khi thải ra môi trường qua ống khói cao 18m. Bụi lắng trong bể được thu gom bón cho cây trồng xung quanh nhà xưởng.

- Đối với hơi dung môi phát sinh từ khu vực quét keo, ép ván thanh được thu gom bằng hệ thống chụp hút bên trong có màng lọc bằng than hoạt tính sau đó qua ống thoát khí thoát ra môi trường. Định kỳ 03 tháng thay màng lọc than hoạt tính 01 lần và được xử lý cùng với chất thải rắn nguy hại.

- Công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động trong quá trình làm việc, đặc biệt đối với công nhân trong công đoạn pha keo và quét keo được trang bị khẩu trang hoạt tính, bao tay, quần áo, kính mũ,... theo quy định.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Tại khu vực nhà làm việc, nhà ở công nhân và bên ngoài khu vực xưởng sản xuất bố trí 04 thùng nhựa loại 20 lít/thùng. Tại khu vực nhà ăn, nhà bếp bố trí 25 sọt đựng rác loại 05 lít/thùng (01 sọt đựng rác/bàn) và 02 thùng nhựa đựng thức ăn thừa loại 50 lít/thùng đặt tại khu vực bếp nấu. Rác thải như thức ăn thừa cho người làm thức ăn chăn nuôi; chất thải rắn khác được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý hàng ngày theo quy định.

- *Chất thải rắn sản xuất:*

+ Vỏ gỗ, gỗ bóc loại, cạnh gỗ thừa sau cắt, mặt gỗ,... được thu gom, tận dụng làm nguyên liệu đốt lò hơi; dây buộc, bìa lót, túi... được thu gom, xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt.

+ Tro phát sinh từ lò hơi được thu gom và đóng vào các bao bì lưu trữ tại

góc phía Đông Bắc của nhà xưởng chế biến sản phẩm tận thu ký hiệu số 2 trên tổng mặt bằng và sử dụng để trồng cây hoặc bán cho các Công ty sản xuất phân bón trên địa bàn tỉnh.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Sử dụng 03 thùng dung tích 200 lit chứa chất thải rắn nguy hại gồm: pin, dẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, than hoạt tính thải và 01 thùng dung tích 200 lit chứa chất thải lỏng nguy hại; các thùng có nắp đậy, dán nhãn mác theo đúng quy định đặt tại kho chứa CTNH diện tích 10 m² nằm ở góc Đông Bắc nhà xưởng chế biến sản phẩm tận thu ký hiệu số 2 trên tổng mặt bằng. Định kỳ 6 tháng/lần, Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với các vỏ thùng đựng keo có khối lượng 420 kg/năm (khối lượng mỗi vỏ thùng là 1kg) sẽ được trả lại cho nhà cung cấp để tận dụng lại.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do các sự cố:

** Biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do sự cố cháy nổ:*

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho khu vực nhà văn phòng, nhà xưởng như: Trụ nước cứu hỏa; hệ thống báo cháy tự động; bình chữa cháy, lăng vòi chữa cháy, lối thoát hiểm,...

- Xây dựng nội quy an toàn sử dụng điện, nội quy phòng chống cháy nổ treo tại khu vực nhà xưởng, kho chứa, nhà ăn... và phổ biến đến từng cán bộ, công nhân nhà máy.

- Trong khu vực kho xăng dầu phải lắp đặt phương tiện phòng cháy chữa cháy như hệ thống báo cháy tự động, bình cứu hỏa cầm tay, bể cát chữa cháy,...

- Phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC gần nhất để tập huấn công tác PCCC cho toàn thể cán bộ, công nhân nhà máy, định kỳ tiến hành tập huấn về PCCC.

- Thành lập đội PCCC cơ sở có đủ lực lượng để duy trì và tăng cường công tác thường trực, phát hiện cháy, nổ.

** Biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do sự cố lò hơi:*

- Treo bảng nội quy, quy định về an toàn trong quá trình vận hành lò; ghi chú các sự cố có thể xảy ra và phương pháp xử lý tại khu vực đặt nồi hơi và lò dầu tải nhiệt.

- Trước khi vận hành lò cần phải kiểm tra tình trạng các loại máy móc, thiết bị của lò như: loại van, bơm tay hoặc bơm điện, hệ thống đường ống,...., đảm bảo hoạt động được mới cho khởi động lò;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lò hơi nước; khi xảy ra sự cố cần dừng ngay quá trình hoạt động để sửa chữa, khắc phục.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

** Giám sát chất lượng khí thải*

- **Chỉ tiêu giám sát:** vi khí hậu, tiếng ồn, bụi và khí thải (SO₂, NO₂, CO).

- **Vị trí giám sát:** 01 vị trí.

+ **KK1:** Quan trắc một điểm tại trung tâm thi công dự án.

- **Quy chuẩn áp dụng:**

+ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ QCVN 02:2019/BYT – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- **Vị trí giám sát:**

+ **KK1:** Quan trắc 01 điểm tại khu vực nhà xưởng sản xuất ván ghép thanh.

+ **KK2:** Quan trắc 01 điểm tại khu vực xưởng chế biến sản phẩm tận thu.

- **Chỉ tiêu giám sát:** Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂.

+ **KK3:** Quan trắc 01 điểm tại thân ống khói lò hơi trước khi thải ra môi trường

- **Chỉ tiêu giám sát:** CO, SO₂, NO₂, bụi, nhiệt độ.

- **Quy chuẩn áp dụng:**

+ QCVN 02:2019/BYT – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

b. Giám sát chất lượng nước

- **Chỉ tiêu giám sát:** pH; TSS; BOD₅; NO₃⁻/N; NH₄⁺/N; dầu mỡ động, thực vật; Coliform.

- **Vị trí giám sát:**

+ **NT1:** Quan trắc 01 mẫu nước thải trước khi dẫn vào hệ thống modul Bastafat.

+ **NT2:** Quan trắc 01 mẫu nước thải sau xử lý tại bể khử trùng trước khi thải ra môi trường.

NT3: Quan trắc 01 mẫu nước thải sau khi qua bể keo tụ, lắng trước khi thải ra môi trường.

- **Quy chuẩn áp dụng:**

+ QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B)/.